



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02906/2023/PKQ (23.1091.12W2312.021)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty cổ phần Đầu tư khu công nghiệp Hòa Cẩm
Địa chỉ : Khu công nghiệp Hòa Cẩm, phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng
Loại mẫu : Nước thải
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, hãm hóa chất
Số lượng mẫu : 1
Thời gian lấy mẫu : 04/12/2023
Thời gian thử nghiệm : 04/12/2023 - 18/12/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				1204/ HC/NT	Cmax
1.	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	29,0	40
2.	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185C:2015	10	50
3.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,1	6 ÷ 9
4.	BOD ₅ (20° C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	7,1	27
5.	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	11	67,5
6.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	11,5	45
7.	Asen	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,001	0,045
8.	Cadimi	mg/L	SMEWW 3113 B:2023	<0,0002	0,045
9.	Thủy ngân	mg/L	SMEWW 3112 B:2023	<0,0003	0,0045
10.	Chì	mg/L	SMEWW 3113 B:2023	<0,001	0,09
11.	Crom (VI)	mg/L	SMEWW 3500Cr.B:2023	<0,003	0,045
12.	Crom (III)	mg/L	SMEWW 3113 B:2023 + SMEWW 3500Cr.B:2023	<0,003	0,18
13.	Đồng	mg/L	SMEWW 3113 B:2023	<0,008	1,8
14.	Kẽm	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,006	2,7
15.	Niken	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,002	0,18
16.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,2	4,5

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				1204/ HC/NT	Cmax
17.	Mangan	mg/L	SMEWW 3113 B:2023	<0,0001	0,45
18.	Sắt	mg/L	SMEWW 3111 B:2023	<0,04	0,9
19.	Tổng phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	<0,001	0,09
20.	Tổng xianua	mg/L	SMEWW 4500CN- .C&E:2023	<0,003	0,063
21.	Sunfua	mg/L	SMEWW 4500-S2- .B&D:2023	<0,02	0,18
22.	Florua	mg/L	SMEWW 4500- F- B&D:2023	<0,01	4,5
23.	Amoni (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,31	4,5
24.	Tổng nitơ	mg/L	TCVN 6624-2:2000	9,35	18
25.	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,22	3,6
26.	Clo dư	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	0,2	0,9
27.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	<0,005	0,1
28.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	0,09	1
29.	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	810	3.000

Ghi chú:

- **QCVN 40:2011/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
- **Cmax**: Cột A, $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$
- **1204/HC/NT**: Mẫu nước thải tại đầu ra tại trạm xử lý nước thải của KCN

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2023

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Huỳnh Đức Long

Hoàng Đình Đình



Đỗ Văn Mạnh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.